

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, giải quyết tài sản riêng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Đông, ông Sùng A Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giải quyết tài sản riêng khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX- ST ngày 29 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hạng Thị T – Sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện C tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Thôn Phi G, xã H, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Mùa A Nh - Sinh năm 1990.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H huyện C tỉnh Điện Biên. Có mặt.

3. Người phiên dịch: Ông Giàng A Dè – Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các văn bản ghi ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Hạng Thị T và anh Mùa A Nh chung sống với nhau từ năm 2008 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện C ngày 28/6/2013. Trong cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bị đơn thường xuyên chửi mắng, đánh đập, năm 2020 bị đơn dùng đèn pin đánh vào đầu nguyên đơn phải xuống Trung tâm y tế huyện C khâu vết thương. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng bị đơn không sửa chữa, UBND xã cũng tiến hành hòa giải nhưng không thành, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn Phi G, xã H từ tháng 8/2022 và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Mùa A Nh.

Về con chung: Hai người có 03 con chung là Mùa A K – SN 08/9/2009; Mùa Thị L - SN 18/6/2011, Mùa Chí H – SN 16/5/2013, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mùa Thị L, giao cho anh Mùa A Nh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mùa A K, Mùa Chí H và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung:

- Tài sản riêng gồm: 01 con trâu đực lông màu đen, khoảng 05 tuổi; 01 con lợn cái nặng khoảng 40kg; 02 con ngan, nặng khoảng 02kg/con, chị yêu cầu anh Mùa A Nh trả lại tài sản riêng này.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ riêng, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ý kiến và tại phiên tòa bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và số lượng tài sản riêng của nguyên đơn; bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn, về con chung bị đơn yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản riêng bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn, về tài sản chung, nợ không yêu cầu giải quyết.

Ngày 22/11/2022 nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản riêng, do bị đơn đã trả lại toàn bộ tài sản riêng cho nguyên đơn và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của BLTTDS, được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần theo Thông báo của Tòa án và tại phiên tòa mở ngày 16/01/2023.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Về con chung đề nghị công nhận sự thỏa thuận của đương sự giao các cháu Mùa A K, Mùa Thị L, Mùa Chí H cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Về cấp dưỡng các bên không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; Về tài sản riêng, đề nghị đình chỉ yêu cầu

giải quyết; về tài sản chung, nợ các bên không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; Về chi phí tố tụng khác buộc nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Về án phí: Đề nghị miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giải quyết tài sản là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Ngày 14/12/2022 nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 16/01/2023 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bị đơn có hành vi đánh đập, chửi mắng nguyên đơn nhiều lần, qua biên bản xác minh tại thôn T, xã H thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn khi uống rượu thường hay chửi mắng, đánh đập vợ; Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và xác nhận có đánh nguyên đơn.

Căn cứ theo trình bày của các bên và các chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa xác định tình cảm của hai bên đến nay không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

Hai người có 03 con chung chưa thành niên, tại phiên tòa hai bên đã thỏa thuận, thống nhất được bị đơn có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, HĐXX thấy thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con, do đó cần chấp nhận thỏa thuận của các bên đương sự, giao 03 con chung cho nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng là Mùa A K, Mùa Thị L, Mùa Chí H.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản riêng: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến tại đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản riêng, bị đơn cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy hai bên đã tự thỏa thuận và bị đơn đã trả lại toàn bộ tài sản riêng cho nguyên đơn, do đó cần đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung và nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 244, Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hạng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạng Thị T được ly hôn với anh Mùa A Nh.

2. Về con chung: Giao các cháu Mùa A K - Sinh ngày 08/9/2009, Mùa Thị L - Sinh ngày 18/6/2011, Mùa Chí H - Sinh ngày 16/5/2013 cho anh Mùa A Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản riêng: Đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về tài sản chung, giải quyết nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn Hạng Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), nguyên đơn đã nộp đủ.

6. Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/02/2023).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tủa Chùa;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tủa Chùa;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Tòng Thị Lan